UBNDTỈNH HOÀ BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số:1435/SGD&ĐT-VP
V/v thực hiện Nghị định 73/2001/NĐ-CP về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Hoà Bình, ngày 22 tháng 9 năm 2010

Kính gửi:
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 5/10/2001 của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2002/TT-BCA (A11) ngày 26/8/2002 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2001/NĐ-CP về hoạt động và tổ chức của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

Căn cứ tình hình thực tế, Sở GD&ĐT hướng dẫn việc trang bị cho lực lượng bảo vệ của các đơn vị, nhà trường như sau:

1. Các đơn vị, nhà trường thực hiện việc trang bị cho Bảo vệ của đơn vị theo các nội dung đã hướng dẫn thực hiện Nghị định 73/2001/NĐ-CP và Thông tư số 10/2002/TT-BCA (gửi kèm theo).

2. Lực lượng bảo vệ được cơ quan, đơn vị cấp kinh phí may trang phục và mua các trang thiết bị cần thiết khác phục vụ cho công tác bảo vệ gồm: Quần áo (xuân hè, thu đông) , mũ Ke pi, giầy theo quy định.

3. Riêng về màu sắc quần áo của bảo vệ, Sở GD&ĐT thống nhất trong toàn ngành mầu sắc quần áo bảo vệ: màu xanh trứng sáo.

4. Sao hiệu bảo vệ: theo quy định tại Thông tư số 10/TT-BCA.

5. Cấp hiệu bảo vệ: Theo quy định tại Thông tư số 10/TT-BCA.

6. Biển hiệu bảo vệ: Theo quy định tại Thông tư số 10/TT-BCA.

Sở GD&ĐT yêu cầu các đơn vị, trường học cấp kinh phí mua trang phục và các trang thiết bị cần thiết cho lực lượng bảo vệ góp phần thực hiện tốt công tác an ninh trật tự trong các đơn vị, nhà trường./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HOÀ BÌNH

Bùi Ngọc Dảo

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở
- Website ngành;
- Lưu VT, VP (NVQ 60)

CHÍNH PHỦ

Số 73/2001/NĐ - CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992
- Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Nghị định này qui định về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ áp dụng đối với các cơ quan. doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, doanh nghiệp).

Những mục tiêu thuộc danh mục Nhà nước qui định do lực lượng Quân đội và công an nhân dân bảo vệ không thuộc phạm vi điều chỉnh Nghị định này.

Điều 2: Trong nghị định này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Nghiệp vụ bảo vệ là tổng hợp các biện pháp chuyên môn trang bị cho lực lượng bảo vệ nhằm đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn tài sản cho cơ quan, doanh nghiệp. Nghiệp vụ bảo vệ bao gồm các nội dung sau:

a) Biện pháp hành chính;

b) Biện pháp quần chúng;

c) Biện pháp tuần tra, canh gác;

Điều 3: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp:

1/ Chịu trách nhiệm về hoạt động bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp do mình phụ trách. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, nội qui bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp. Đôn đốc, kiểm tra hoạt động bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp.

2/ Căn cứ yêu cầu, tính chất, qui mô của cơ quan, doanh nghiệp để quyết định hình thức tổ chức, bố trí lực lượng, kế hoạch huấn luyện và trang bị phương tiện nghiệp vụ làm việc cho lực lượng bảo vệ.

3/ Tổ chức thực hiện những văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Công an về công tác bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp.

Điều 4: Tiêu chuẩn nhân viên bảo vệ:

1/ Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có lý lịch rõ ràng, đạo đức tốt, không có tiền án, có trình độ văn hóa phổ thông trung học và đủ sức khỏe đáp ứng công tác bảo vệ.

2/ Phải được huấn luyện, bồi dưỡng công tác nghiệp vụ bảo vệ do Công an cấp tỉnh trở lên tổ chức và cấp giấy chứng nhận.

Điều 5: Trách nhiệm của Bộ Công an:

1/ Qui định việc phối hợp quản lý và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp;

2/ Qui định nội dung huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, mẫu giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ, mẫu trang phục, phù hiệu, biển hiệu cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

3/ Hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỦA BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 6: Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có nhiệm vụ sau đây:

1/ Phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn nắm vững tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng. Đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp kế hoạch, biện pháp luật khác trong cơ quan, doanh nghiệp.

2/ Thực hiện các biện pháp nhiệm vụ theo qui định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của Công an cấp tỉnh để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn những vi phạm nội qui bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Kịp thời đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp biện pháp xử lý.

3/ Làm nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an tinh Tổ quốc trong cơ quan, Phối hợp với các tổ chức quần chúng liên quan trong cơ quan, doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho mọi người, hướng dẫn các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trong cơ quan, doanh nghiệp.

4/ Thực hiện các qui định về công tác phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn trật tự công cộng và quản lý vũ khí, vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại (nếu có). Phối hợp với cơ quan Công an giúp người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp quản lý; giáo dục người có tiền án, tiền sử, người hết hạn tù, người chấp hành xong các biện pháp xử lý hành chính khác được làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp.

5/ Trực tiếp tổ chức kiểm soát người ra, vào cơ quan, doanh nghiệp. Khi có vụ việc xảy ra như: Cháy, nổ, tai nạn, gây rối trật tự công cộng...trong cơ quan, doanh nghiệp phải tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất.

Điều 7. Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có các quyền hạn sau:

1/ Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị và cán bộ, công nhân viên trong cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật, các văn bản pháp quy về an ninh trật tự và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;

2/ Trong khi làm nhiệm vụ được kiểm tra giấy tờ, người, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp; nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

3/ Tiến hành công tác xác minh những vụ, việc xảy ra ở cơ quan, doanh nghiệp theo thẩm quyền người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao hoặc yêu cầu của cơ quan công an có thẩm quyền.

Điều 8. Tổ chức bảo vệ ở những cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, quan trọng, thành lập Phòng, Ban, Tổ bảo vệ thì tổ chức bảo vệ nằm trong hệ thống tổ chức của cơ quan, doanh nghiệp. Đối với cơ quan, doanh nghiệp có tổ chức bảo vệ theo ngành dọc thì lực lượng bảo vệ cấp cơ sở phải chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu đơn vị mình, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của cơ quan công an và tổ chức bảo vệ cấp trên.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhân viên bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước:

1/ Được hưởng quyền lợi, chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhân viên bảo vệ của nhà nước ban hành và những quy định cụ thể của cơ quan, doanh nghiệp nhà nước;

2/ Được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực cơ quan, doanh nghiệp mình bảo vệ.

3/ Những cán bộ bảo vệ thuộc biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước, có năng lực và khả năng phát triển được cơ quan, doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đề bạt như những cán bộ khác.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ TẠI CÁC TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KINH TẾ THÀNH LẬP THEO LUẬT DOANH NGHIỆP, LUẬT HỢP TÁC XÃ VÀ LUẬT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 10. Lực lượng bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có nhiệm vụ sau đây:

1/ Xây dựng phương án, kế hoạch và nội quy bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu và tình hình an ninh, trật tự nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng, có sự tham gia ý kiến của cơ quan công an trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu duyệt;

2/ Đề xuất với Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp các biện pháp cụ thể bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bảo vệ tài sản và phòng cháy, chữa cháy trong cơ quan, doanh nghiệp;

3/ Trực tiếp bảo vệ tài sản cơ quan, doanh nghiệp; thực hiện những nhiệm vụ cụ thể bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp giao cho;

4/ Khi có vụ việc xảy ra như: cháy, nổ, tai nạn, gây rối trật tự công cộng... phải tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu nạn nhân, bắt người phạm tội quả tang và báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất.

Điều 11. Lực lượng bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế khi làm nhiệm vụ kiểm soát người ra vào cơ quan, doanh nghiệp nếu phát hiện nghi vấn được kiểm tra giấy tờ, người, hàng hóa, phương tiện ra vào cơ quan, doanh nghiệp theo quy định.

Điều 12. Chế độ, chính sách và quyền lợi khác của nhân viên bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế do Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh

nghiệp quyết định thông qua hợp đồng lao động có sự thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở quy định của Bộ Luật Lao động.

Chương IV
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 13. Tập thể, cá nhân bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, được khen thưởng theo quy định của nhà nước và được khen thưởng của ngành công an.

Điều 14. Tập thể, cá nhân bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn bảo vệ để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Nghị định này thay thế Nghị định số 223/HĐBT ngày 19 tháng 6 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác và tổ chức bảo vệ cơ quan, xí nghiệp nhà nước và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 16. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định này

Điều 17. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

KT.CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(đã ký)

Phan Văn Khải

BỘ CÔNG AN

Số 10/2002/TT - BCA(A11)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2002

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2001/NĐ-CP của Chính phủ về hoạt động và tổ chức lực lượng Bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Ngày 05 tháng 10 năm 2001 Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2001/NĐ-CP về hoạt động tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Bộ Công an hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Tổ chức lực lượng bảo vệ:

1.1. Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước nằm trong hệ thống tổ chức của các cơ quan, doanh nghiệp. Tùy theo yêu cầu cụ thể để thành lập phòng, ban, đội, tổ bảo vệ trực thuộc văn phòng hoặc phòng hành chính tổng hợp. Tại các Bộ, Ngành chủ quản cần có bộ phận kiêm nhiệm thuộc khối văn phòng để theo dõi, chỉ đạo hoạt động bảo vệ trong phạm vi thuộc Bộ, Ngành mình phụ trách.

1.2. Tổ chức lực lượng bảo vệ tại các đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Hội đồng quản trị hoặc người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp tùy theo yêu cầu cụ thể để quyết định cho phù hợp.

2. Quyền lợi, chế độ, chính sách của lực lượng bảo vệ:

Ngoài chế độ chính sách đối với cán bộ, nhân viên bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nêu tại Điều 9 và Điều 12 Nghị định số 73/2001/NĐ-CP thì:

2.1. Người làm công tác bảo vệ tại cơ quan, doanh nghiệp nhà nước trong khi làm nhiệm vụ, dũng cảm đấu tranh với bọn tội phạm bị thương, hy sinh được áp dụng tiêu chuẩn xác nhận là thương binh, liệt sĩ và được hưởng chính sách như thương binh, liệt sĩ quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Quyết định số 301/CP ngày 20/9/1980 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ), Điều 3 Mục I Thông tư số 03/TBXH ngày 17/1/1981 và Điều 3 Mục II Công văn số 16/TBXH ngày 14/3/1981 của Bộ Thương binh xã hội (nay là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Thủ tục hồ sơ đề nghị xét, ngoài những thủ tục hồ sơ theo quy định hiện hành cần phải có những giấy tờ sau:

+ Biên bản xảy ra sự việc (khám nghiệm hiện trường).

+ Biên bản xét xử hoặc ý kiến kết luận của cơ quan điều tra, tòa án về mức độ tội phạm của người phạm tội.

+ Nhận xét của thủ trưởng cơ quan, doanh nghiệp đối với người bị thương, hy sinh về ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước kịp thời làm đầy đủ thủ tục, hồ sơ chuyển đến cơ quan lao động, thương binh và xã hội để sớm có quyết định đảm bảo chế độ, quyền lợi cho người bị thương và gia đình liệt sĩ.

2.2. Người làm công tác bảo vệ dưới dạng hợp đồng tuần tra, canh gác tại cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và làm công tác bảo vệ tại các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận với người đứng đầu các cơ quan, doanh nghiệp và các tổ chức, đơn vị kinh tế thông qua hợp đồng lao động; được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Công tác huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ.

3.1. Hàng năm, các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ và thông báo cho cơ quan công an chức năng biết để chủ động phối hợp thực hiện.

3.2. Nội dung huấn luyện lực lượng bảo vệ gồm:

+ Kiến thức cơ bản về pháp luật.

+ Các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ.

+ Sử dụng công cụ hỗ trợ được trang bị cho lực lượng bảo vệ và những động tác tự vệ, bắt giữ tội phạm.

3.3. Quy định phân cấp huấn luyện và cấp giấy chứng nhận cho lực lượng bảo vệ.

+ Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương do các Cục chức năng thuộc Tổng cục An ninh Bộ Công an tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận.

+ Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương đã phân cấp cho công an địa phương quản lý; các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Công an tỉnh, thành phố nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận.

3.4. Trách nhiệm phối hợp tổ chức huấn luyện lực lượng bảo vệ:

+ Các Cục chức năng thuộc Tổng cục An ninh, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đảm bảo nội dung, tài liệu huấn luyện, bố trí giảng viên và cấp giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ.

+ Các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu huấn luyện lực lượng bảo vệ chịu trách nhiệm kinh phí huấn luyện, bố trí địa điểm, tổ chức và quản lý lớp học.

4. Trang phục và trang bị cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp:

4.1. Lực lượng bảo vệ được cơ quan, doanh nghiệp cấp kinh phí may trang phục và mua các trang bị cần thiết khác phục vụ cho công tác bảo vệ gồm: quần áo (xuân hè, thu đông), mũ ke pi, giầy theo quy định sau:

- Trang phục xuân hè:

+ Áo kiểu veston ngắn tay, cổ bẻ, cúc nhựa mầu đen (dùng cả cho áo thu đông). Thân trước có túi mang ốp ngoài.

+ Quần kiểu âu phục.

+ Giầy da mầu đen ngắn cổ, buộc dây.

- Trang phục thu đông:

+ Áo ngoài kiểu veston dựng lót trong, dài tay, cổ bẻ. Thân trước có túi mang ốp ngoài.

+ Bên trong là áo sơ mi mầu xanh hòa bình dài tay cổ có chân.

+ Cravát mầu tím than.

+ Quần may kiểu âu phục.

+ Giầy da mầu đen ngắn cổ, buộc dây.

Mầu sắc, chất liệu quần áo xuân hè, quần áo ngoài thu đông, mũ do thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp căn cứ tình hình cụ thể của cơ quan, doanh nghiệp mình để quyết định cho phù hợp, nhưng không được trùng lẫn với mầu sắc quần áo, mũ của các lực lượng đã được Chính phủ quy định (Công an, Quân đội, Hải quan). Cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo mầu trang phục bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp mình cho cơ quan công an chức năng và cán bộ, công nhân viên chức trong cơ quan, doanh nghiệp biết. Ngoài ra để đảm bảo điều kiện làm việc, nếu cần thiết lực lượng bảo vệ được cơ quan, doanh nghiệp trang bị mũ bảo hiểm, áo mưa, ủng, đèn pin, băng đỏ...

Định kỳ cấp phát trang phục và trang bị khác cho lực lượng bảo vệ do thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp căn cứ hoạt động cụ thể của lực lượng bảo vệ tại đơn vị mình để quyết định.

4.2. Những cơ quan, doanh nghiệp nhà nước có nhu cầu cần thiết trang bị vũ khí quân dụng và công cụ hỗ trợ cho công tác bảo vệ thực hiện theo quy định tại điểm g Mục I Điều 8 Chương II và điểm e Mục 1 Điều 38 Chương V Quy chế Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ban hành theo Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996 của Chính phủ.

4.3. Giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ, sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, biểu hiện của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp quy định như sau:

Giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ: Giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ được làm bằng giấy cứng khổ 11cm x 8cm. Nền mầu vàng nhạt, đường viền và chữ **giấy chứng nhận** mầu đỏ, các chữ còn lại mầu đen.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ảnh 3x4	Họ và tên:..... Năm sinh:..... Quê quán:..... Đã học nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp tổ chức tại từ ngày.....đến ngày.... Số:..... Đạt loại:.....

Ngày....tháng.....năm
(Cơ quan cấp giấy
ký tên, đóng dấu)

- Sao hiệu bảo vệ: bằng kim loại hình tròn, đường kính 36 mm ở giữa có ngôi sao 5 cánh mầu vàng nổi trên nền đỏ, liền với nền đỏ là nền xanh thẫm có hai bông lúa nổi mầu vàng bao quanh phía dưới ngôi sao có nửa hình bánh xe mầu vàng giữa nửa bánh xe có chữ "Bảo vệ". Vành ngoài sao liệu bảo vệ mầu vàng. Sao hiệu bảo vệ khi gắn trên mũ kepi có cành tùng kép bằng kim loại màu trắng bao quanh liền thành một khối cao 54 mm, rộng 64 mm.

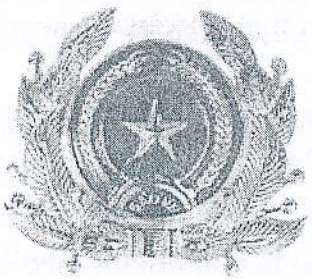

- Cấp hiệu bảo vệ: cấp hiệu bảo vệ mầu tím than, hai cạnh đầu nhỏ và hai cạnh dọc cấp hiệu có viền lé mầu vàng. Cúc gắn ở đầu nhỏ có hình nổi ngôi sao 5 cánh xung quanh có đường viền tròn.

+ Đối với lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp nhà nước phía cuối nền cấp hiệu có vạch ngang, cấp hiệu phụ trách bảo vệ có ba vạch ngang bằng sợi ni mầu vàng

rộng 10 mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm. Cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm có một vạch ngang bằng sợi nỉ màu vàng rộng 10mm.

Mẫu cấp hiệu phụ trách bảo vệ:

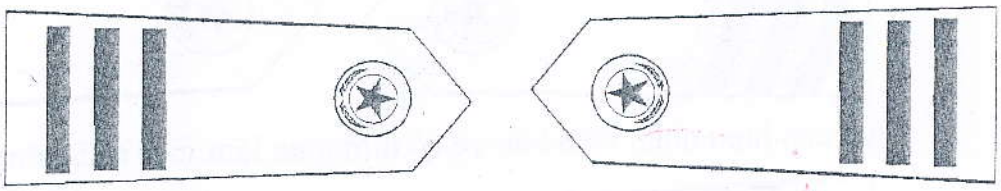

Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên có hai vạch ngang bằng sợi nỉ mầu vàng rộng 10 mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm:

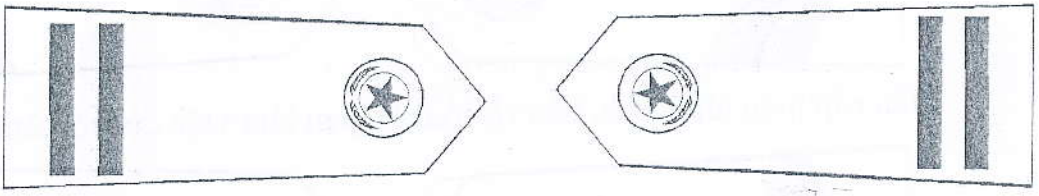

Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm có một vạch ngang bằng sợi nỉ mầu vàng rộng 10 mm:

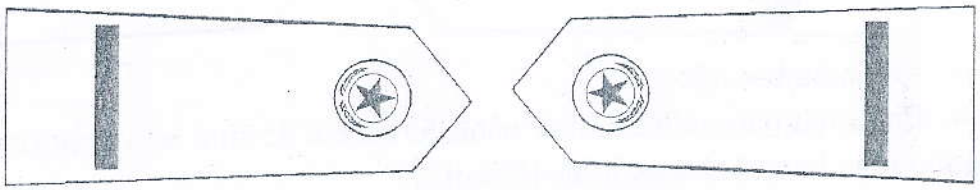

Cấp hiệu nhân viên bảo vệ hợp đồng tại cơ quan, doanh nghiệp nhà nước không có vạch ngang:

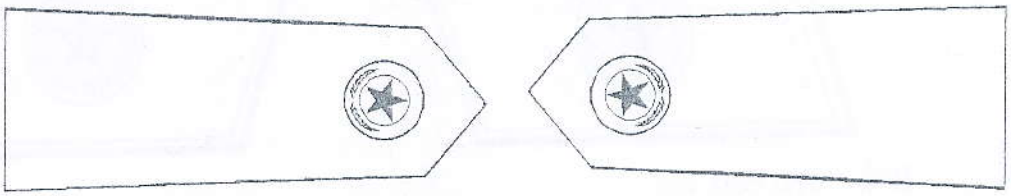

+ Đối với lực lượng bảo vệ tại các đơn vị kinh tế thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phía cuối nền cấp hiệu có vạch hình chữ < cấp hiệu phụ trách bảo vệ có ba vạch < bằng nỉ màu vàng rộng 10mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm. Cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên có hai vạch < bằng nỉ màu vàng rộng 10mm, vạch nọ cách vạch kia 7 mm. Cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm có một vạch < bằng sợi màu vàng rộng 10mm.

Mẫu cấp hiệu phụ trách bảo vệ:

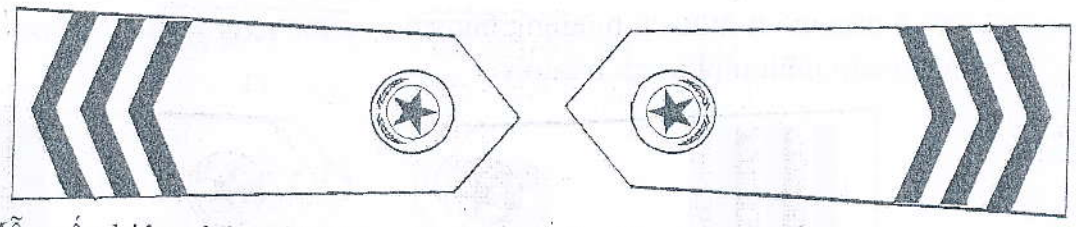

Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc từ 5 năm trở lên:

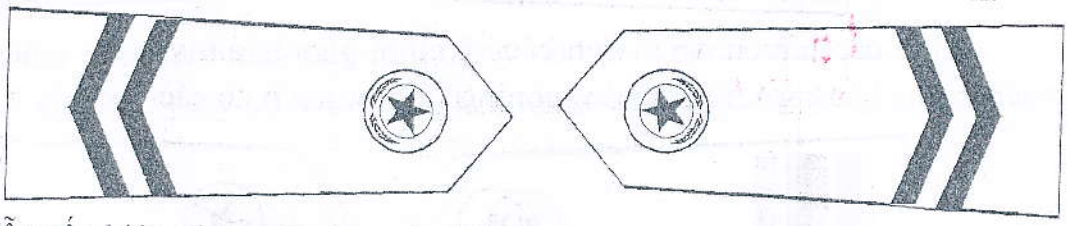

Mẫu cấp hiệu nhân viên bảo vệ có thời gian làm việc dưới 5 năm:

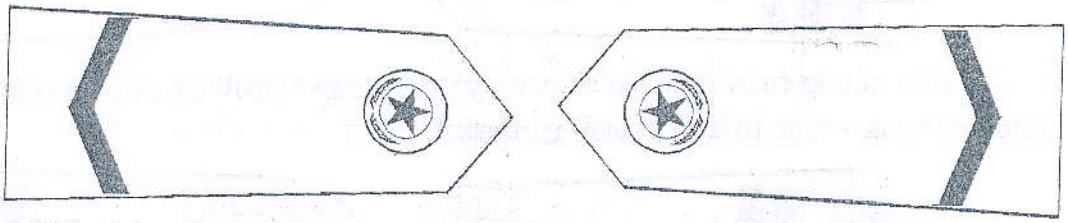

Phù hiệu bảo vệ:

Phù hiệu bảo vệ hình bình hành 55 mm x 35 mm nền mầu tím than, ở giữa có gắn sao hiệu bảo vệ đường kính 18 mm.

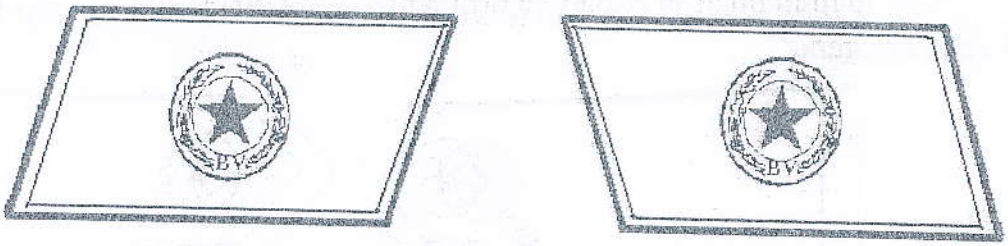

- Biển hiệu bảo vệ:

Biển hiệu bảo vệ do các cơ quan, doanh nghiệp thực hiện theo mẫu quy định thống nhất sau:

Biển hiệu bảo vệ được làm bằng giấy cứng, khổ 9 cm x 5,5 cm nền mầu vàng nhạt, đường viền, gạch ngang và chữ **Bảo vệ** mầu đỏ, các chữ khác mầu đen.

- Phần trên gạch ngang ghi biểu hiện ghi tên cơ quan chủ quản bằng chữ in có chân, dòng bên dưới ghi tên công ty, doanh nghiệp bằng chữ thường đậm.

- Phần dưới gạch ngang trong biển hiệu về phía bên phải là chữ **Bảo vệ** bằng chữ in có chân, dòng bên dưới ghi họ tên người được cấp biển hiệu bằng chữ in có chân (nhỏ hơn chữ Bảo vệ), dòng cuối cùng là Số hiệu: ghi số của người được cấp biển hiệu. Phía trái dán ảnh (3 x 4) của người được cấp biển hiệu có đóng dấu giáp lai của cơ quan, doanh nghiệp.

Biển hiệu Bảo vệ được nẹp trong bao Platis mầu trong suốt có ghim phía sau để đeo phía trên túi áo ngực trái.

4.4. Cán bộ, nhân viên bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp nếu vì lý do gì thôi không làm công tác bảo vệ nữa thì cơ quan, doanh nghiệp có trách nhiệm thu hồi sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu của cán bộ, nhân viên bảo vệ đó.

5. Tổ chức thực hiện:

- Tổng cục An ninh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định số 73/2001/NĐ-CP tại các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan biên soạn tài liệu huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, in giấy chứng nhận đã học nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ.

- Tổng cục Hậu cần Công an nhân dân chủ trì phối hợp với Tổng cục An ninh sản xuất sao hiệu, cấp hiệu, phù hiệu cho lực lượng bảo vệ theo đề nghị của các cơ quan, doanh nghiệp ở Trung ương và địa phương.

- Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện Nghị định số 73/2001/NĐ-CP tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc địa phương mình quản lý.

- Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Bộ Công an về tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp trái với thông tư này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện có điều gì vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Công an để nghiên cứu giải quyết./.

KT.BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC
(đã ký)

Nguyễn Khánh Toàn